

Số: /QĐ-CĐSP

Hòa Bình, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng
ngành Giáo dục Mầm non năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định 602/TTg ngày 25/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp trường THSP Hoà Bình thành Trường Cao đẳng Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Cao đẳng Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-CĐSP ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình; Quyết định số 281/QĐ-CĐSP ngày 21/4/2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình về việc ban hành Quy chế kỳ thi bổ trợ trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình;

Theo đề nghị của Trưởng Ban tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2024 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.


Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh năm 2024; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục Đào tạo (để báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, BTS (KS).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Lệ Hương

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

1. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)
1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình
2. Mã trường: C23
3. Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu, phường Dân Chủ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Điện thoại: (0218).3893285.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.cdsphoabinh.edu.vn
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội: Fanpage: <https://facebook.com/cdsphoabinh.edu.vn>.
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (0218).3895.555; 0949.825.872; 0983.849.383

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link: <https://cdsphoabinh.edu.vn/ai-nguyen-2/bao-cao-khao-sat-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-12-thang-tot-nghiep-nam-2022.html>

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	183	68	62	72,30%
Tổng		183	68	62	72,30%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

- Đường link năm 2022: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2022.html>
- Đường link năm 2023: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh/quyet-dinh-dieu-chinh-de-an-tuyen-sinh-nam-2023.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Năm 2022:

- + Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu.
- + Xét tuyển theo điểm TBC học tập toàn khoá trong bảng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

- Năm 2023:

- + Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 kết hợp với thi tuyển các môn năng khiếu.
- + Xét tuyển theo điểm TBC học tập toàn khoá trong bảng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Ngành Giáo dục Mầm non (51140201) Tổ hợp 1: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu Tổ hợp 2: Ngữ văn, KHXH, Năng khiếu Tổ hợp 3: Ngữ văn, Lịch Sử, Năng khiếu Tổ hợp 4: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu	- Năm 2022: + Xét tuyển: dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu. + Xét tuyển theo điểm TBC học tập toàn khoá trong bảng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu. - Năm 2023: + Xét tuyển: dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập lớp 12 kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu. + Xét tuyển theo điểm TBC học tập toàn khoá trong bảng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.	280	274	17.0	300	300	17.0
	Tổng		280	274	17.0	300	300	17.0

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Đường link: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh/quy%E1%BA%BFT-d%E1%BB%8Bnh-cho-phep-m%E1%BB%9F-ma-nganh-dao-t%E1%BA%A1o.html>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Số: 1659/QĐ-BDG&ĐT-DH	06/04/2001			Bộ GD&ĐT	2001	2023

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng:

Đường link: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tai-nguyen-2/cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-nam-2024.html>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (người học)

STT	Tình độ/ Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC	Không		
B	ĐẠI HỌC	Không		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học	649
6.1	Chính quy			480
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng			169
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học	Không		
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng			
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

+ Tổng diện tích đất của trường: 37.476.8 m²

+ Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 52 phòng khép kín/1.250 m², sức chứa 416 sinh viên.

+ Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 34,07 m²

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	76	8393
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	898
1.2.	Phòng học từ 50 chỗ - 200 chỗ	31	4273
1.3.	Số phòng học dưới 50 chỗ	18	720
1.4	Số phòng học đa phương tiện (đa năng)	3	180
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	23	2322
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	494
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	10	450
	Tổng	92	9337

- Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành
1	Phòng thực hành Ngoại ngữ	Máy vi tính kết nối mạng Internet (30 chiếc), Card mạng, Bộ vi xử lý, Bộ mạch chủ, Bộ nhớ ngoài (rời), Thiết bị phòng học tương tác, Máy chiếu đa năng, Bộ tăng âm, Hệ điều hành, Phần mềm dạy học, Thiết bị hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, Điều hòa, Bàn ghế (50 bộ), Bàng, Tủ.	
2	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính kết nối mạng Internet (65 chiếc), Card mạng, Bộ vi xử lý, Bộ mạch chủ, Bộ nhớ ngoài (rời), Thiết bị phòng học tương tác, Hệ điều hành, Phần mềm dạy học các bộ môn, Điều hòa, Bàn ghế (70 bộ), Bàng.	

3	Phòng thực hành, thí nghiệm Sinh học	Bình lên men, Bộ Pipetman, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Dụng cụ đo độ mặn, Dụng cụ đo pH, Kính hiển vi quang học, La bàn, Máy đo điện tích lá, Máy đo quang phổ, Máy hút ẩm, Tủ lạnh, Tủ sấy, Các loại hóa chất, Bộ đồ thực hành động vật có xương - không xương, Bộ đồ thực hành Sinh lý thực vật, Bộ đồ thực hành Phân loại thực vật, Bộ đồ thực hành Hóa sinh, Bộ đồ thực hành Vi sinh, Bộ đồ thực hành Sinh thái - Môi trường, Bình ngâm mẫu, Vợt bắt côn trùng, Hộp đựng côn trùng, Phễu thu động vật, Bộ dụng cụ thí nghiệm Giải phẫu - sinh lý người, Bộ tranh ảnh phục vụ giảng dạy Sinh học ở THCS ... , Bàn ghế (50 bộ), Băng, Tủ.	Giáo dục Mầm non
4	Phòng thực hành nuôi dưỡng	Bếp ăn một chiều; đồ dùng, dụng cụ nhà bếp	Giáo dục Mầm non
5	Phòng thực hành Hoạt động Giáo dục	Giấy, kệ, bàn ghế, đồ dùng đồ chơi, phương tiện hiện đại: máy tính, máy chiếu	
6	Phòng học múa	Giương, đóng tay vịn, loa đài, băng đĩa nhạc phục vụ chuyên môn múa	
7	Phòng học hát	Đàn Oocgan, loa đài, băng đĩa nhạc phục vụ chuyên môn âm nhạc.	

- *Thông kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện Sách: 9133 đầu sách, 129427 bản; tạp chí: 15 đầu; băng đĩa phục vụ chuyên môn: 1778 chiếc; bản đồ, tranh ảnh: 689 chiếc; bộ thực hành: 55 bộ.*

10.3. *Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tình chi tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non - Mã ngành 51140201*

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành
1	Nguyễn Thị Lệ Hương		Ths	Quản lý giáo dục		51140201
2	Bùi Văn Dược		Ths	Khoa học xã hội và nhân văn		51140201
3	Trần Lê Quân		Ths	CNXH khoa học	x	51140201
4	Bùi Thị Hương		ThS	Khoa học xã hội và nhân văn		51140201
5	Đặng Trọng Nghĩa		Ths	Văn hoá học	x	51140201
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc		ThS	Sinh học		51140201
7	Ngô Thị Thuỳ Hương		Ths	Ngôn ngữ Anh		51140201
8	Ngô Thị Thu Thuý		Ths	Sư phạm Toán học		51140201
9	Bùi Thị Dân		Ths	Toán học		51140201

10	Quách Công Sơn		Ths	Kinh tế chính trị	x	51140201
11	Đông Sỹ Khang		Ths	Giáo dục Thể chất	x	51140201
12	Nguyễn Phương Quỳnh		ThS	Hồ Chí Minh học	x	51140201
13	Nguyễn Thị Thanh Bình		Ths	Quản lý giáo dục		51140201
14	Lê Thị Thu Hương		ThS	Quản lý giáo dục	x	51140201
15	Trần Thị Na		ĐH	Tiếng Anh		51140201
16	Lê Hải Diệu		ThS	Giáo dục học mầm non		51140201
17	Vũ Thị Ánh Ngọc		ThS	Giáo dục Thể chất	x	51140201
18	Bùi Thị Hằng Thơ		Ths	Sinh học		51140201
19	Nguyễn Thành Hưng		ThS	Triết học	x	51140201
20	Phạm Nam Phương		Ths	Giáo dục học	x	51140201
21	Nguyễn Văn Hào		ThS	Hệ thống thông tin		51140201
22	Đỗ Khắc Sơn		ThS	Lý luận và PP dạy học Âm nhạc		51140201
23	Đỗ Thị Tiến Thành		ThS	Lịch sử Đảng	x	51140201
24	Nguyễn Thị Mai Hương		ThS	Văn hóa học	x	51140201
25	Dương Bích Thủy		ThS	KH giáo dục- Giáo dục mầm non		51140201
26	Nguyễn Văn Tuấn		ĐH	Sư phạm Vật lý- Tin học		51140201
27	Đặng Hoàng Hà		ThS	Việt Nam học	x	51140201
28	Trần Thị Hương Dung		ThS	Tâm lý học	x	51140201
29	Phạm Thị Lệ Hằng		ThS	Tâm lý học	x	51140201
30	Nguyễn Thị Huyền Trang		ThS	Quản lý giáo dục	x	51140201
31	Mai Huệ		ThS	Quản lý giáo dục	x	51140201
32	Nguyễn Vũ A Sa		ThS	Sinh học		51140201
33	Bùi Văn Thiện		ĐH	Giáo dục QPAN-Giáo dục TC	x	51140201
34	Đinh Thị Thảo		ThS	Đo lường và đánh giá trong GD		51140201
35	Đỗ Thị Thanh Mai		ThS	Kinh tế chính trị	x	51140201
36	Nguyễn Thị Kim Cúc		ThS	Văn hóa Việt Nam hiện đại		51140201
37	Bùi Thị Bích Huệ		ThS	Khoa học máy tính		51140201
38	Phùng Thị Thu Trang		ThS	Văn hóa học		51140201

39	Vũ Thuý Hương		ThS	Công tác xã hội	x	51140201
40	Lương Thị Nhân		DH	Công tác xã hội	x	51140201
41	Nguyễn Thị Hưng		ThS	Quản lý giáo dục	x	51140201
42	Nguyễn Thị Thanh Hà		ThS	Văn hóa học		51140201
43	Hoàng Ngọc Mai		DH	Giáo dục Mầm non		51140201
44	Nguyễn Mạnh Huy		Ths	Sư phạm Mỹ thuật		51140201
45	Lỗ Thị Nhung		ThS	Ngôn ngữ Anh		51140201
46	Trình Thị Hồng		ThS	Triết học	x	51140201
47	Nguyễn Phương Anh		ThS	T toán giải tích		51140201
48	Phạm Thị Thu Hằng		ThS	Địa lý		51140201
49	Trần Thị Thu Trang		ThS	Giáo dục học	x	51140201
50	Nguyễn Hồng Thu		DH	Ngôn Ngữ Anh		51140201
51	Trương Thị Phương Lan		ThS	Hệ thống máy tính		51140201
52	Hà Thị Vân Hòa		ThS	Hồ Chí Minh học	x	51140201
53	Bùi Thị Phương		DH	Giáo dục chính trị- Giáo dục QP	x	51140201
54	Ngô Thị Hoa		ThS	LL và PP dạy học bộ môn toán		51140201
55	Quách Thị Thúy Thiện		DH	Sư phạm tiếng Anh		51140201
56	Nguyễn Thị Thanh Vân		DH	Sư phạm Ngữ văn		51140201
57	Nguyễn Thị Hương May		ThS	Tâm lý học	x	51140201
58	Vũ Thị Kết		DH	Toán -Lý		51140201
59	Nguyễn Thị Huyền		ThS	Giáo dục học	x	51140201
60	Nguyễn Thị Ngọc Anh		ThS	Giáo dục học- Giáo dục MN		51140201
61	Bùi Thị Miên		DH	Giáo dục Mầm non		51140201
62	Nguyễn Thị Duyên		DH	Giáo dục Mầm non		51140201
63	Vũ Hằng Nga		DH	Giáo dục Mầm non		51140201

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh năm 2024: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh/nam-2024.html>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: <https://cdsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh/quy-ch%E1%BA%BF-tuy%E1%BB%83n-sinh-nam-2023.html>

13. Đường link công khai Quy chế kỳ thi bổ trợ trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: <https://cdspkhoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh/quy-che-thi-bo-tro-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2023.html>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức kỳ thi bổ trợ trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024: <https://cdspkhoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/de-an-to-chuc-ky-thi-bo-tro-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mm-non-nam-2024.html>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT theo (hình thức giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (xét tuyển 2 môn văn hóa, thi tuyển môn năng khiếu), cụ thể:

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu;
- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp môn kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu;
- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo điểm trung bình chung cả năm kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non - Mã ngành 51140201- theo từng phương thức tuyển sinh.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405	Xét KQ thi tốt nghiệp THPT	10	Ngữ Văn, Toán,	Ngữ Văn, KHXH, Năng khiếu	Ngữ Văn, Lịch Sử, Năng khiếu	Ngữ Văn, Năng khiếu	Ngữ Văn, Địa Lý, Năng khiếu			
				406	Xét học bạ	290	Năng khiếu							

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu: **Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2024.**

- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp môn kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu; Xét tuyển học bạ lớp 12 theo điểm trung bình chung cả năm kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu. **Cụ thể, người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.**

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường:

- Mã số trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình: C23
- Mã số ngành, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển:

Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển	Mã tổ hợp
Giáo dục Mầm non	51140201	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu	M00
		Ngữ văn, KHXH, Năng khiếu	M03
		Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	M05
		Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu	M07

- Không xét mức chênh lệch điểm trung tuyển của tổng điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một ngành.
- Các điều kiện phụ trong xét tuyển:
 - + Nếu số thí sinh đăng kí lớn hơn chỉ tiêu xét tuyển thì: *Điểm xét tuyển = Tổng điểm của 3 môn xét tuyển/thi tuyển theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có).*
 - + Tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển, lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.
 - + Tiêu chí phụ: Ưu tiên 1: điểm thi năng khiếu; Ưu tiên 2: TBC điểm học bạ lớp 12 trong trường hợp các thí sinh cuối cùng có điểm xét tuyển bằng nhau.
 - + Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu phù hợp tại các cơ sở đào tạo khác có tổ chức thi để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trong năm đăng ký xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh, thời gian, hình thức nhận hồ sơ DKXT/thi tuyển

- a. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: Bắt đầu từ tháng 4/2024.
- b. Hình thức nhận DKXT/thi tuyển:
 - Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;
 - Hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về trường theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, đường Võ Thị Sáu, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển gồm:
 - Đơn xin đăng ký dự thi môn năng khiếu (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn);

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn);
- Bảng tốt nghiệp THPT (bản sao) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời) đối với thí sinh vừa tốt nghiệp năm 2024 (bản chính);
- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi THPT năm 2024 (bản chính) - áp dụng đối với những thí sinh sử dụng kết quả thi THPT để xét tuyển;
- Học bạ THPT (bản sao);
- Giấy Khai sinh (bản sao);
- Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (bản sao);
- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao) (nếu có);
- 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận;
- 02 ảnh 3x4;
- Lệ phí xét tuyển.

Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển/thi tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện; thí sinh có thể gửi bản scan, bản chụp hình các giấy tờ của hồ sơ xét tuyển/thi tuyển qua thư điện tử tại địa chỉ Email: cd.sup@hoabinh.edu.vn. Việc đối chiếu bản gốc giấy tờ, sẽ thực hiện khi thí sinh làm thủ tục nhập học tại trường.

d. Thời gian: các đợt thi năng khiếu được thực hiện từ tháng 6/2024 đến hết tháng 12/2024. Thời gian thi năng khiếu cho các đợt được thông báo cụ thể trên Website: www.cdsphoabinh.edu.vn.

- e. Nội dung thi năng khiếu: Hát và đọc diễn cảm.
- g. Hình thức thi năng khiếu: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-CDSP ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình)

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11. Thời gian xét tuyển các đợt trong năm (dự kiến):

- Dợt 1: Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo quy định (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Dợt 2: tháng 9/2024

- Dợt 3: tháng 10/2024 (nếu có)

- Dợt 4: tháng 11/2024 (nếu có)

1.12. Việc thực hiện các cam kết đối với thí sinh giai quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:

- Việc xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo về kỳ thi được giai quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại và tố cáo;
 - Quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, nhà trường sẽ phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường có phương án giải quyết, nhằm đảm bảo quyền lợi cho thí sinh trong những trường hợp rủi ro xảy ra (nếu có).

1.13. Tại chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: **11.315.242.000 đồng**

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: **2.280.000 đồng**

2. Tuyển sinh chính quy trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non với đối tượng tốt nghiệp Trung cấp

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên và có bằng tốt nghiệp THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển, cụ thể:

Xét tuyển theo điểm trung bình chung học tập toàn khoá trong bằng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

2.4. Chi tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	500	Phương thức khác	100	1659/QĐ-BDG&ĐT-DH	06/04/2001	Bộ GD&ĐT	2001

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Người dự tuyển phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau:

- Tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên đạt loại khá trở lên;
- Tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên đạt loại trung bình và có ít nhất 01 năm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường:

- Mã số trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình: C23
- Mã số ngành: 51140201;
- Cách xét tuyển: Điểm xét tuyển = Điểm TBC học tập toàn khoá x 2 + Điểm thi năng khiếu + Điểm ưu tiên (nếu có)
- Tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển, lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.
- Tiêu chí phụ: Ưu tiên 1: điểm thi năng khiếu; Ưu tiên 2: điểm TBC học tập toàn khoá hệ trung cấp trong trường hợp các thí sinh cuối cùng có điểm xét tuyển bằng nhau.
- Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu phù hợp tại các cơ sở đào tạo khác có tổ chức thi để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trong năm đăng ký xét tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

- a. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: Từ tháng 4/2024
- b. Hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển:
 - Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;
 - Hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về trường theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, đường Võ Thị Sáu, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển gồm:
 - Đơn xin đăng ký dự thi môn năng khiếu (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn).
 - Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn).
 - Bảng tốt nghiệp, bảng điểm Trung cấp sư phạm (bản photo công chứng);
 - Giấy xác nhận thời gian công tác đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên đạt loại trung bình;
 - Bảng tốt nghiệp THPT (bản photo công chứng).
 - Giấy Khai sinh (bản sao);
 - Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (bản sao);
 - Các giấy tờ ưu tiên (bản sao) (nếu có);

- 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận;
- 02 ảnh 3x4;
- Lệ phí xét tuyển.

Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển/thi tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyên phát nhanh qua đường bưu điện; thí sinh có thể gửi bản scan, bản chụp hình các giấy tờ của hồ sơ xét tuyển/thi tuyển qua thư điện tử tại địa chỉ Email: cd.sup@hoabinh.edu.vn. Việc đối chiếu bản gốc giấy tờ, sẽ thực hiện khi thí sinh làm thủ tục nhập học tại trường.

d. Thời gian: các đợt thi năng khiếu được thực hiện từ tháng 6/2024 đến hết tháng 12/2024. Thời gian thi năng khiếu cho các đợt được thông báo cụ thể trên Website: www.cdsphoabinh.edu.vn.

e. Nội dung thi năng khiếu: Hát và đọc diễn cảm.

g. Hình thức thi năng khiếu: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

2.8. *Chính sách ưu tiên:* Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-CDSP ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình)

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:*

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình lãng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):* Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.11. *Thời gian xét tuyển các đợt trong năm (dự kiến):*

- Đợt 1: Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo quy định (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Công dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đợt 2: tháng 9/2024

- Đợt 3: tháng 10/2024 (nếu có)

- Đợt 4: tháng 11/2024 (nếu có)

2.12. *Việc thực hiện các cam kết đối với thí sinh giai quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:*

- Việc xác minh, giải quyết khiếu nại, tố cáo về Kỳ thi được giải quyết theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại và tố cáo;

- Quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, nhà trường sẽ phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường có phương án giải quyết, nhằm đảm bảo quyền lợi cho thí sinh trong những trường hợp rủi ro xảy ra (nếu có).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học, vừa làm (Theo mẫu số 01 đính kèm)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSDT: <https://cdspsphoabinh.edu.vn/tuyen-sinh/tin-tuc-tuyen-sinh/tuyen-sinh-vua-lam-vua-hoc-nam-2024.html>

Cán bộ kê khai

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đỗ Khắc Sơn

ĐT: 0949.825.872. Email: dokhacson.cdsp@hoabinh.edu.vn

Nguyễn Thị Lệ Hương

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm, vừa học:

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm, vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp THPT:

1.1. *Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:* Tốt nghiệp THPT theo (hình thức giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên)

1.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trên toàn quốc.

1.3. *Phương thức tuyển sinh:* Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (xét tuyển 2 môn văn hóa, thi tuyển môn năng khiếu), cụ thể:

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu;
- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp môn kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu;
- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo điểm trung bình chung cả năm kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

1.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non - Mã ngành 51140201 - theo từng phương thức tuyển sinh.*

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VL VH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	406	Xét học bạ	100	1659/QĐ-BDG&ĐT-DH	06/04/2001	Bộ GD&ĐT	2001

1.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu: **Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2024.**

- Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp môn kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu; Xét tuyển học bạ lớp 12 theo điểm trung bình chung cả năm kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu. **Cụ thể, người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.**

1.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường:*

- Mã số trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình: C23
- Mã số ngành, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển:

Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển	Mã tổ hợp
Giáo dục Mầm non	51140201	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu	M00
		Ngữ văn, KHXH, Năng khiếu	M03
		Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu	M05
		Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu	M07

- Không xét mức chênh lệch điểm trúng tuyển của tổng điểm giữa các tổ hợp môn xét tuyển trong cùng một ngành.
- Các điều kiện phụ trong xét tuyển: Thực hiện theo tiêu chí đã quy định.
- + Nếu số thí sinh đăng kí lớn hơn chỉ tiêu xét tuyển thì: *Điểm xét tuyển = Tổng điểm của 3 môn xét tuyển/thi tuyển theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có)*.
- + Tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển, lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.
- + Tiêu chí phụ: Ưu tiên 1: điểm thi năng khiếu; Ưu tiên 2: TBC điểm học bạ lớp 12 trong trường hợp các thí sinh cuối cùng có điểm xét tuyển bằng nhau.
- + Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu phù hợp tại các cơ sở đào tạo khác có tổ chức thi để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trong năm đăng ký xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

- a. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: Từ tháng 4/2024; các đợt tiếp theo (nếu có) đến hết tháng 12/2024.
- b. Hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển:
 - Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;
 - Hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về trường theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, đường Võ Thị Sáu, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
- c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển gồm:
 - Đơn xin đăng ký dự thi môn năng khiếu (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn);
 - Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn);
 - Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời) đối với thí sinh vừa tốt nghiệp năm 2024 (bản

chính);

- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi THPT năm 2024 (bản chính) - áp dụng đối với những thí sinh sử dụng kết quả thi THPT để xét tuyển;
- Học bạ THPT (bản sao);
- Giấy Khai sinh (bản sao);
- Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (bản sao);
- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao) (nếu có);
- 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận;
- 02 ảnh 3x4;
- Lệ phí xét tuyển.
- Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển/thi tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyên phai nhanh qua đường bưu điện; thí sinh có thể gửi bản scan, bản chụp hình các giấy tờ của hồ sơ xét tuyển/thi tuyển qua thư điện tử tại địa chỉ Email: *cd.sup@hoabinh.edu.vn*. Việc đối chiếu bản gốc giấy tờ, sẽ thực hiện khi thí sinh làm thủ tục nhập học tại trường.
- d. Thời gian: các đợt thi năng khiếu được thực hiện từ tháng 6/2024 đến hết tháng 12/2024. Thời gian thi năng khiếu cho các đợt được thông báo cụ thể trên Website: *www.cdsphoabinh.edu.vn*.
- e. Nội dung thi năng khiếu: Hát và đọc diễn cảm.
- g. Hình thức thi năng khiếu: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến.
- 1.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-CĐSP ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình)
- 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:
 - Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/hồ sơ
 - Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu: 300.000đ/thí sinh
- 1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 1.11. Thời gian xét tuyển các đợt trong năm (dự kiến):
 - Đợt 1 : tháng 9/2024

- Các đợt tiếp theo từ tháng 10 đến hết tháng 12/2024 (nếu có)

2. Tuyển sinh đào tạo vừa làm, vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp:

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên và có bằng tốt nghiệp THPT.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển, cụ thể:

Xét tuyển theo điểm trung bình chung học tập toàn khoá trong bảng điểm (học bạ) trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng phương thức tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản Đào tạo	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	500	Phương thức khác	100	VLVH 1659/QĐ-BDG&ĐT-DH	06/04/2001	Bộ GD&ĐT	2001

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Người dự tuyển phải đảm bảo một trong các tiêu chí sau:

- Tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên phải đạt từ loại khá trở lên;
- Tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên đạt loại trung bình và có ít nhất 01 năm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào trường:

- Mã số trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình: C23
- Mã số ngành: 51140201;
- Cách xét tuyển: Điểm xét tuyển = Điểm TBC học tập toàn khoá x 2 + Điểm thi năng khiếu + Điểm ưu tiên (nếu có)
- Tuyển thí sinh theo điểm xét tuyển, lấy điểm từ cao xuống đến đủ chỉ tiêu của ngành.
- Tiêu chí phụ: Ưu tiên 1: điểm thi năng khiếu; Ưu tiên 2: điểm TBC học tập toàn khoá hệ trung cấp trong trường hợp các thí sinh cuối cùng có điểm xét tuyển bằng nhau.

- Thí sinh được sử dụng kết quả thi năng khiếu phù hợp tại các cơ sở đào tạo khác có tổ chức thi để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trong năm đăng ký xét tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển

a. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: Từ tháng 4/2024; các đợt tiếp theo (nếu có) đến hết tháng 12/2024;

b. Hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển:

+ Nộp trực tiếp tại Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình.

+ Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện về trường theo địa chỉ: Ban Tuyển sinh - tầng 1, nhà A1, Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình, đường Võ Thị Sáu, phường Dân Chủ, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển gồm:

- Đơn xin đăng ký dự thi môn năng khiếu (tại Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn).
- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tại Phiếu tại website của nhà trường: www.cdsphoabinh.edu.vn).
- Bảng tốt nghiệp, bảng điểm Trung cấp sư phạm (bản photo công chứng);
- Giấy xác nhận thời gian công tác đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên đạt loại trung bình;
- Bảng tốt nghiệp THPT (bản photo công chứng).
- Giấy Khai sinh (bản sao);
- Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (bản sao);
- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao) (nếu có);
- 02 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận;
- 02 ảnh 3x4;
- Lệ phí xét tuyển.

Ngoài việc nộp hồ sơ xét tuyển/thi tuyển trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện, thí sinh có thể gửi bản scan, bản chụp hình các giấy tờ của hồ sơ xét tuyển/thi tuyển qua thư điện tử tại địa chỉ Email: cd.sup@hocobinh.edu.vn. Việc đối chiếu bản gốc giấy tờ, sẽ thực hiện khi thí sinh làm thủ tục nhập học tại trường.

d. Thời gian: các đợt thi năng khiếu được thực hiện từ tháng 6/2024 đến hết tháng 12/2024. Thời gian thi năng khiếu cho các đợt được thông báo cụ thể trên Website: www.cdsphoabinh.edu.vn.

e. Nội dung thi năng khiếu: Hát và đọc diễn cảm.

g. Hình thức thi năng khiếu: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

2.8. *Chính sách ưu tiên*: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-CDSP ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình)

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển*:

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/hồ sơ

- Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.11. *Thời gian xét tuyển các đợt trong năm (dự kiến)*:

- Đợt 1: tháng 9/2024

- Các đợt tiếp theo từ tháng 10 đến hết tháng 12/2024 (nếu có)

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC	Không		
B	ĐẠI HỌC	Không		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	649
6.1	<i>Chính quy</i>			480
6.2	<i>Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng</i>			169
6.3	<i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i>			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học	Không		
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	<i>Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng</i>			
7.3	<i>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng</i>			

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. *Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:*

- Tổng diện tích đất của trường: 37.476.8 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 52 phòng khép kín/1.250 m², sức chứa 416 sinh viên.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	76	8393
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	898
1.2.	Phòng học từ 50 chỗ - 200 chỗ	31	4273

1.3.	Số phòng học dưới 50 chỗ	18	720
1.4	Số phòng học đa phương tiện	3	180
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	23	2322
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	494
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	10	450
	Tổng	92	9337

2.2. Thông kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành
1	Phòng thực hành Ngoại ngữ	Máy vi tính kết nối mạng Internet (30 chiếc), Card mạng, Bộ vi xử lý, Bộ mạch chủ, Bộ nhớ ngoài (rời), Thiết bị phòng học tương tác, Máy chiếu đa năng, Bộ tăng âm, Hệ điều hành, Phần mềm dạy học, Thiết bị hỗ trợ dạy và học ngoại ngữ, Điều hòa, Bàn ghế (50 bộ), Băng, Tủ.	Giáo dục Mầm non
2	Phòng thực hành Tin học	Máy vi tính kết nối mạng Internet (65 chiếc), Card mạng, Bộ vi xử lý, Bộ mạch chủ, Bộ nhớ ngoài (rời), Thiết bị phòng học tương tác, Hệ điều hành, Phần mềm dạy học các bộ môn, Điều hòa, Bàn ghế (70 bộ), Băng.	Giáo dục Mầm non
3	Phòng thực hành, thí nghiệm Sinh học	Bình lên men, Bộ Pipetman, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Dụng cụ đo độ mặn, Dụng cụ đo pH, Kính hiển vi quang học, La bàn, Máy đo điện tích iả, Máy đo quang phổ, Máy hút ẩm, Tủ lạnh, Tủ sấy, Các loại hóa chất, Bộ đồ thực hành động vật có xương - không xương, Bộ đồ thực hành Sinh lý thực vật, Bộ đồ thực hành Phân loại thực vật, Bộ đồ thực hành Hóa sinh, Bộ đồ thực hành Vi sinh, Bộ đồ thực hành Sinh thái - Môi trường, Bình ngấm mẫu, Vợt bắt côn trùng, Hộp đựng côn trùng, Phễu thu động vật, Bộ dụng cụ thí nghiệm Giải phẫu - sinh lý người, Bộ tranh ảnh phục vụ giảng dạy Sinh học ở THCS ..., Bàn ghế (50 bộ), Băng, Tủ.	Giáo dục Mầm non
4	Phòng thực hành nuôi dưỡng	Bếp ăn một chiều; đồ dùng, dụng cụ nhà bếp	Giáo dục Mầm non

5	Phòng thực hành Hoạt động Giáo dục	Giá, kệ, bàn ghế, đồ dùng đồ chơi, phương tiện hiện đại: máy tính, máy chiếu	
6	Phòng học múa	Gương, dống tay vịn, loa đài, băng đĩa nhạc phục vụ chuyên môn múa	
7	Phòng học hát	Đàn Oocgan, loa đài, băng đĩa nhạc phục vụ chuyên môn âm nhạc.	

2.3. Thông tin công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

a) Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng:

Số Quyết định	Ngày Quyết định	Tổ chức công nhận
Số 211/QĐ-KĐCL	20/08/2020	Trung tâm kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội

b) Chương trình đào tạo chính quy Ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được công nhận kiểm định chất lượng:

Số Quyết định	Ngày Quyết định	Tổ chức công nhận
Số 648/QĐ-KĐCL	25/08/2022	Trung tâm kiểm định chất lượng Đại học Quốc gia Hà Nội

c) Hội đồng trường:

- Quyết định thành lập:

Số Quyết định	Ngày Quyết định	Cấp ra Quyết định thành lập
Số 2166/QĐ-UBND	04/10/2022	Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

- Danh sách thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022- 2027:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Lệ Hường	Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Trường CĐSP Hoà Bình
2	Đào Anh Tuấn	Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Hiệu trưởng Trường CĐSP Hoà Bình
3	Đặng Trọng Nghĩa	Thường trực Đảng uỷ, Phó Hiệu trưởng Trường CĐSP Hoà Bình
4	Bùi Thị Hằng Thơ	Chủ tịch Công đoàn, Phó Trưởng phòng Đào tạo- KH- KT và CTSV, Trường CĐSP Hoà Bình
5	Bùi Văn Thiện	Bí thư Đoàn Thanh niên
6	Bùi Thị Hương	Trưởng phòng Đào tạo- KH- KT và CTSV, Trường CĐSP Hoà Bình
7	Lê Hải Diệu	Trưởng Khoa Mầm non, Trường CĐSP Hoà Bình
8	Hoàng Ngọc Mai	Trưởng Cơ sở Giáo dục Mầm non Hoa Sen, Trường CĐSP Hoà Bình
9	Phạm Nam Phương	Giám đốc TT Tâm lý giáo dục- Giáo dục đặc biệt, Trường CĐSP Hoà Bình
10	Quách Thị Thuý Thiện	Tổ trưởng Tổ Xã hội, Trường PTTH CLC Nguyễn Tất

	Thành, Trường CĐSP Hoà Bình	
11	Đinh Thị Thảo	Giảng viên Trường CĐSP Hoà Bình
12	Nguyễn Vinh Quang	Trường Phòng Chính trị Tư tưởng và Giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo Hoà Bình
13	Hà Thị Kim Oanh	Hiệu trưởng Trường Mầm non Quỳnh Lâm, Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hoà Bình
14	Đỗ Ngọc Van	Viện trưởng Viện nghiên cứu các vấn đề xã hội
15	Bùi Thế Trung	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần điện tử Viễn thông Thành Biên

2.4. Thông kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kỷ cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Sách: 9133 đầu sách, 129427 bản; tạp chí: 15 đầu; băng đĩa phục vụ chuyên môn: 1778 chiếc; bản đồ, tranh ảnh: 689 chiếc; bộ thực hành: 55 bộ.

3. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngày tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Thị Lê Hương		Ths	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
2	Bùi Văn Dục		Ths	Khoa học xã hội và nhân văn	Giáo dục Mầm non
3	Trần Lê Quân		Ths	CNXH khoa học	Giáo dục Mầm non
4	Bùi Thị Hương		Ths	Khoa học xã hội và nhân văn	Giáo dục Mầm non
5	Đặng Trọng Nghĩa		Ths	Văn hoá học	Giáo dục Mầm non
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Ths	Sinh học	Giáo dục Mầm non
7	Ngô Thị Thuý Hương		Ths	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non
8	Ngô Thị Thuý Thuý		Ths	Su phạm Toán học	Giáo dục Mầm non
9	Bùi Thị Dân		Ths	Toán học	Giáo dục Mầm non
10	Quách Công Sơn		Ths	Kinh tế chính trị	Giáo dục Mầm non
11	Đông Sỹ Khang		Ths	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non
12	Nguyễn Phương Quỳnh		Ths	Hồ Chí Minh học	Giáo dục Mầm non
13	Nguyễn Thị Thanh Bình		Ths	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
14	Lê Thị Thu Hương		Ths	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
15	Trần Thị Na		DH	Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non
16	Lê Hải Diệu		Ths	Giáo dục học mầm non	Giáo dục Mầm non
17	Vũ Thị Anh Ngọc		Ths	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non
18	Bùi Thị Hằng Thơ		Ths	Sinh học	Giáo dục Mầm non

19	Nguyễn Thành Hưng		ThS	Triết học	Giáo dục Mầm non
20	Phạm Nam Phương		Ths	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non
21	Nguyễn Văn Hào		ThS	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non
22	Đỗ Khắc Sơn		ThS	LL và PP dạy học Âm nhạc	Giáo dục Mầm non
23	Đỗ Thị Tiến Thành		ThS	Lịch sử Đảng	Giáo dục Mầm non
24	Nguyễn Thị Mai Hương		ThS	Văn hóa học	Giáo dục Mầm non
25	Dương Bích Thuý		ThS	Khoa học giáo dục- Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non
26	Nguyễn Văn Tuấn		ĐH	Sư phạm Vật lý- Tin học	Giáo dục Mầm non
27	Đặng Hoàng Hà		ThS	Việt Nam học	Giáo dục Mầm non
28	Trần Thị Hương Dung		ThS	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non
29	Phạm Thị Lệ Hằng		ThS	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non
30	Nguyễn Thị Huyền Trang		ThS	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
31	Mai Huệ		ThS	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
32	Nguyễn Vũ A Sa		ThS	Sinh học	Giáo dục Mầm non
33	Bùi Văn Thiện		ĐH	Giáo dục QPAN- Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non
34	Đinh Thị Thảo		ThS	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Giáo dục Mầm non
35	Đỗ Thị Thanh Mai		ThS	Kinh tế chính trị	Giáo dục Mầm non
36	Nguyễn Thị Kim Cúc		ThS	Văn hóa Việt Nam hiện đại	Giáo dục Mầm non
37	Bùi Thị Bích Huệ		ThS	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non
38	Phùng Thị Thu Trang		ThS	Văn hóa học	Giáo dục Mầm non
39	Vũ Thuý Hường		ThS	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non
40	Lương Thị Nhân		ĐH	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non
41	Nguyễn Thị Hưng		ThS	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non
42	Nguyễn Thị Thanh Hà		ThS	Văn hóa học	Giáo dục Mầm non
43	Hoàng Ngọc Mai		ĐH	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
44	Nguyễn Mạnh Huy		Ths	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non
45	Lỗ Thị Nhung		ThS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non
46	Trịnh Thị Hồng		ThS	Triết học	Giáo dục Mầm non
47	Nguyễn Phương Anh		ThS	Toán giải tích	Giáo dục Mầm non
48	Phạm Thị Thu Hằng		ThS	Địa lý	Giáo dục Mầm non
49	Trần Thị Thu Trang		ThS	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non
50	Nguyễn Hồng Thu		ĐH	Ngôn Ngữ Anh	Giáo dục Mầm non

Tông số GV toàn trường		63	
51	Trương Thị Phương Lan	ThS	Hệ thống máy tính
52	Hà Thị Vân Hòa	ThS	Hồ Chí Minh học
53	Bùi Thị Phương	DH	Giáo dục CT- Giáo dục quốc phòng
54	Ngô Thị Hoa	ThS	LL và PP dạy học bộ môn toán
55	Quách Thị Thủy Thiên	DH	Sự phạm tiếng Anh
56	Nguyễn Thị Thanh Vân	DH	Sự phạm Ngữ văn
57	Nguyễn Thị Hương May	ThS	Tâm lý học
58	Vũ Thị Kết	DH	Toán - Lý
59	Nguyễn Thị Huyền	ThS	Giáo dục học
60	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS	Giáo dục học- Giáo dục Mầm non
61	Bùi Thị Miên	DH	Giáo dục Mầm non
62	Nguyễn Thị Duyên	DH	Giáo dục Mầm non
63	Vũ Hằng Nga	DH	Giáo dục Mầm non